

ĐÔI DÒNG LỊCH SỬ GIÁO HỘI CÔNG GIÁO VIỆT NAM

*** Cưu mang trong thử thách:**

Căn cứ vào Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục thì năm Nguyễn Hoà (1533), dưới thời vua Lê Trang Tông có chỉ dụ cấm đạo Giatô. Trong chỉ dụ có ghi tên và nêu rõ một người Tây phương tên là I-Ni-Khu (Ignatio) đã theo đường biển và giảng đạo tại làng Ninh Cường và Quần Anh thuộc huyện Nam Chân (Nam Định ngày nay). Vì lịch sử không ghi rõ, nên I-Ni-Khu, theo giả thuyết, có lẽ là một tu sĩ. Vì trước năm 1533 đã có ghi chỉ-dụ cấm đạo, như thế phải hiểu rằng Tin Mừng Đức Kitô đã được rao giảng trên non sông đất Việt vào thời gian trước năm 1533 này. Do đó, năm 1533 được coi như năm ghi dấu quan trọng trong lịch sử của Giáo Hội Công Giáo Việt Nam.

Nhưng bước phôi thai của Giáo Hội Việt Nam được ghi đậm bước chân rao giảng Tin Mừng của các linh mục Diego Doropesa, Batholomeo Ruiz, Petro Ortiz, Francisco De Ontila và bốn thầy trợ sĩ thuộc Dòng Phanxicô từ Phi Luật Tân đến truyền giáo tại Bắc Việt vào năm 1583. Còn tại Trung Việt, các linh mục Louis de Fonseca và Gregoire de la Motte thuộc dòng thánh Đaminh như Gaspar de Santa Cruz đã từ Malasca đến rao giảng Phúc Âm tại Hà Tiên, Nam Việt Nam từ năm 1550. Công việc truyền giáo trên miền đất Việt càng ngày càng phát triển với sự hiện diện hùng hậu và nhiệt thành của các linh mục dòng Tên: Francesco Buzoni, Diego Carvalho và ba thầy trợ sĩ (một người Bồ Đào Nha và hai người Nhật) đã đặt chân đến cửa Hàn, Quảng Nam vào năm 1615 để tăng cường cho nhóm thừa sai đang thiết tha hoạt động cho công cuộc truyền bá Tin Mừng trên miền đất mới.

*** Khai sinh trong đau khổ:**

Hạt giống Tin Mừng được tung gieo, âm thầm lớn lên và sinh hoa kết quả trên miền đất Việt. Tuy nhiên, giông tố kinh hoàng đã bao phủ: Biết bao nhiêu cuộc bố ráp, tìm kiếm, bắt bớ, giam cầm các Kitô hữu Việt Nam dưới các thời Chúa Trịnh tại miền Bắc và Chúa Nguyễn, nhà Tây Sơn cùng các vua nhà Nguyễn tại miền đất Việt, biết bao nhiêu cuộc cấm cách đã xảy ra, biết bao nhiêu cuộc tàn sát các Kitô hữu đã dập tắt đức tin của người dân Việt vào Đức Kitô đã mang lại nét khải hoàn vinh thắng và còn có hơn 130 ngàn Kitô hữu Việt Nam can đảm, kiên cường chấp nhận cái chết, bị tịch thu tài sản, bị lưu đày, lẫn trốn trong rừng sâu nước độc hay cắn răng chịu đựng gian khổ... đã được điểm phúc tử đạo, hiên ngang tuyên xưng đức tin vào Đức Kitô.

Trong cuộc truyền giáo của các linh mục và tu sĩ dòng Thánh Phanxicô, dòng Thánh Đaminh và dòng Tên còn được tiếp nối các tốt đẹp và mang lại thành quả khả quan qua công trình kiến tạo của các linh mục Hội Thừa Sai Ngoại Quốc Truyền Giáo Ba-Lê. Do sự vận động của linh mục Alexandre de Rhodes (Cha Đắc Lộ, dòng Tên) tại Roma, Đức Giáo Hoàng Innocent thứ X đã tuyển chọn hai linh mục Francois Pallu và Lambert de la Motte và phong chức giám mục, đặt làm "đại diện tông toà" (vicarius Apostolicus) tại Việt Nam và Trung Hoa vào tháng 8-1658. Đến tháng 8-1662, Đức Giám Mục Lambert de la Motte cùng với hai vị thừa sai người Pháp đến Juthia, kinh đô của Thái Lan để đợi vào nhận Địa Phận Đàng Ngoài (Bắc Việt). Biết bao gian khổ, khổ khó của đời Giám mục trên miền đất truyền giáo. Dầu gặp khó khăn của việc bắt đạo, hai Ngài vẫn can trường dẫn thân thăm viếng, ban nhiệm tích và uỷ lạo các giáo sĩ và giáo dân thuộc quyền các Ngài.

Thành quả thiêng liêng và cao quý nhất của Đức Giám Mục Lambert de la Motte là việc Ngài thành lập dòng các chị em Mến Thánh Giá vào ngày 26-2-1670 với một bộ luật dòng rất nhiệm nhặt. Nhìn về tương lai của một Giáo Hội đầy triển vọng, Đức Giám Mục Lambert de la Motte đã thực hiện việc lập chủng viện để đào tạo chung các giáo sĩ thuộc các quốc gia Đông Dương tại Juthia, kinh đô Thái Lan. Vì thế, chủng viện này là nơi xuất thân của nhiều giáo sĩ cho cả Giáo Hội Đàng Trong lẫn Đàng Ngoài của Việt Nam thời Giáo Hội Phôi thai. Chủng viện được thiết lập vào năm 1665 và cũng chính tại đây, những linh mục Việt Nam đầu tiên được truyền chức linh mục: Cha Giuse Trang (3-1668); Cha Gioan Huệ, Cha Bênêdictô Hiền (6-1668) và Cha Luca Bền (1669). Giờ đây cánh đồng truyền giáo Việt Nam được tiếp nối và tăng trưởng qua biết bao thế hệ các linh mục, thầy giảng và nữ tu Việt Nam, đầu bị bách hại, cấm cách, nhưng đến đầu thế kỷ XIX (1802), Giáo Hội Việt Nam đã có một cơ cấu khả quan như sau:

1. Địa phận Đông Bắc Việt có 140,000 giáo dân, 41 linh mục Việt Nam, 4 linh mục Thừa Sai và 1 Giám Mục.

2. Địa phận Tây Bắc Việt có 120,000 giáo dân, 65 linh mục Việt Nam, 6 linh mục Thừa Sai và 1 Giám Mục.

3. Địa phận Trung và Nam Việt có 60,000 giáo dân, 15 linh mục Việt Nam, 5 linh mục Thừa Sai và 1 Giám Mục.

Tổng cộng vào đầu thế kỷ thứ XIX, Giáo Hội Việt Nam đã có 320,000 giáo dân, 119 linh mục Việt Nam, 15 linh mục Thừa Sai và 3 Giám Mục (Louvet, "Les Mission Catholique au 19e siecle". Paris 1894, pa. 207)

Ngược dòng thời gian, lịch sử Giáo Hội Việt Nam đã khai sinh và tăng trưởng trong máu đào tử đạo, hơn 130 ngàn tiền nhân đã anh dũng hy sinh mạng sống để bảo vệ đức tin cách mãnh liệt và can trường vào Đức Kitô. Trong số ấy có 117 vị đã được Đức Giáo Hoàng Lêô XIII, Piô IX, Piô XII phong lên bậc chân phước. Vào Chúa Nhật, 19-6-1988, Đức Giáo Hoàng Phaolô II đã long trọng tôn phong hiển thánh cho 117 chân phước Tử Đạo Việt Nam tại công trường Thánh Phêrô dưới sự chứng kiến của gần 30,000 giáo dân các nước Ý, Pháp, Tây Ban Nha, đặc biệt có hàng chục ngàn giáo dân Việt Nam trên toàn thế giới về tham dự. Nhưng đau thương đáng tiếc là không có một bóng dáng người Việt Nam nào được đến từ lòng đất Mẹ Việt Nam. Trong số 117 Hiển Thánh Tử Đạo Việt Nam có 8 giám mục, 50 linh mục, 16 thầy giảng, 1 chủng sinh và 42 giáo dân. Nếu tính theo thời gian thì có 2 vị tử đạo dưới thời chúa Trịnh Doanh (1740-1767); 2 vị dưới thời chúa Trịnh Sâm (1767-1782); 2 vị đời Cảnh Thịnh (1782-1802); 57 vị dưới thời vua Minh Mạng (1802-1840); 3 vị đời vua Triệu Trị (1840-1847) và 51 vị đời vua Tự Đức (1847-1853).

Ngày nay Giáo Hội Việt Nam rất hãnh diện về 117 Hiển Thánh Việt Nam chẳng những đã công khai đứng giữa hàng thần thánh trên trời, mà còn chính thức được đặt trên các bàn thờ Giáo Hội hoàn vũ và ngày lễ dành riêng để tôn kính các ngài đã được Bộ Phụng Tự Toà Thánh chỉ định vào ngày 24 tháng 11 dương lịch hàng năm trên khắp cả thế giới. "Máu các thánh Tử Đạo Việt Nam đã làm phát sinh hạt giống Công Giáo". Số các giáo hữu càng ngày càng gia tăng, công việc truyền giáo càng ngày càng phát triển đã dẫn đến biến cố lịch sử ngày 11-6-1933, Đức Giáo Hoàng Pio XI đã tấn phong tại đền thờ Thánh Phêrô vị Giám mục tiên khởi của Giáo Hội Việt Nam Đức Giám Mục Gioan Baotixita Nguyễn Bá Tòng (1868-1950), giám mục phó với quyền kế vị tại Giáo phận Phát Diệm.

*** Trưởng thành trong máu đào:**

Biến cố quan trọng bậc nhất trong lịch sử Giáo Hội Công Giáo Việt Nam đánh dấu ngày 24-11-1960 khi Đức Giáo Hoàng Gioan XXIII ban sắc chỉ thiết lập phẩm trật Giáo Hội tại Việt Nam gồm 3 Tổng Giáo Phận Hà Nội, Huế, Sài Gòn với 17 Giáo Phận: Lạng Sơn, Hải Phòng, Bắc Ninh, Hưng Hoá, Thái Bình, Bùi Chu, Phát Diệm, Thanh Hoá, Vinh, Qui Nhơn, Nha Trang, Komtum, Vĩnh Long, Cần Thơ, Đà Lạt, Mỹ Tho và Long Xuyên, tất cả 3 Tổng Giáo Phận và 17 Giáo Phận đều trực thuộc Thánh Bộ Truyền Giáo. Năm 1976, Giáo Hội Việt Nam hân hoan đón nhận vị Hồng Y tiên khởi: Đức Tổng Giám Mục Giuse Maria Trịnh Như Khuê (+1978) và năm 1979, Đức Hồng Y Giuse Maria Trịnh Văn Căn, và 30-10-1994 Đức Hồng Y Phaolô Maria Phạm Đình Tụng.

Nếu Giáo Hội Việt Nam ghi nhận công ơn của biết bao vị thừa sai hiên ngang, can trường, hy sinh đến rao giảng Tin Mừng trên miền đất Việt, thì cũng đến ngày Giáo Hội Việt Nam phải đáp trả món nợ tinh thần do quyết định của HĐGMVN vào năm 1972 khi chấp thuận và uỷ nhiệm Đức Tổng Giám Mục Philippê Nguyễn Kim Điền đứng ra thành lập Hội Thừa Sai Việt Nam trong hoài bão và ước vọng mang Tin Mừng Cứu Độ của Đức Kitô đến tận các thôn làng xa vắng trên đất Việt và các nước lân cận như Cao Miên, Ai Lao, Thái Lan... Giáo Hội Công Giáo Việt Nam đang được mỹ danh "trưởng nữ" của Giáo Hội tại Á Châu.

Qua 450 năm, Tin Mừng của Đức Kitô được rao giảng trên non sông đất Việt, Giáo Hội Công Giáo Việt Nam luôn kiên cường, bất khuất trước mọi cấm cách, bắt bớ, tù đày, thăm sát... đã mãi mãi tuyên xưng Đức Tin bất diệt vào Đức Kitô và một Hội Thánh Công Giáo, Duy Nhất, Thánh Thiện, và Tông Truyền.

Lịch sử Giáo Hội Công Giáo Việt Nam, một minh chứng hùng hồn. Đức Tin quả cảm và hiên ngang của dân Chúa tại Việt Nam, luôn noi theo tấm gương kiêu hùng của các tiền nhân tử đạo. Hôm qua, hôm nay và ngày mai, người Công giáo Việt Nam vẫn hiên ngang sống Đức Tin, làm chứng nhân của Tin Mừng giữa lòng Xã Hội Chủ Nghĩa. Noi gương tiền nhân tử đạo, nhìn về các anh chị em đang sống niềm tin mãnh liệt vào Đức Kitô tại quê nhà, người Công Giáo Việt Nam hải ngoại kiên quyết giữ vững và "sống Đức Tin trên miền đất mới".

(Lm. Giuse Trần Anh Dũng & Louis Trần Thanh Minh)